

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2018

V/v: “Ly hôn, con cái”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng

Ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện t, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Văn S - Sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/02/2008, tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát nhau. Anh S bỏ nhà đi từ ngày 20/6/2012 cho đến nay không ai biết tin tức anh S hiện nay đang ở đâu. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tuyên bố anh

Lê Văn S mất tích. Tòa án nhân dân huyện T đã mở phiên họp, giải quyết việc dân sự số 06/2017/QĐ-VDS ngày 03/7/2017 tuyên bố anh Lê Văn S mất tích.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lê Văn S

- Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Lê Quỳnh N, sinh ngày 10/11/2008, hiện nay cháu Quỳnh N đang ở với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh N và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Tòa án đã triệu họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đang ký kết hôn ngày 20/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát nhau. Anh S bỏ nhà đi từ ngày 20/6/2012 cho đến nay, gia đình và người thân không ai biết tin tức anh S hiện nay đang ở đâu. Chị T đã làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa, yêu cầu tuyên bố anh Lê Văn S mất tích. Ngày 03/7/2017 Tòa án nhân dân huyện T đã mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 06/2017/QĐ-VDS tuyên bố anh Lê Văn S mất tích. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung, cháu Lê Quỳnh N, sinh ngày 10/11/2008. Chị T yêu cầu được nuôi con. Hiện nay anh S không có mặt tại địa phương, chị T đã yêu cầu tuyên bố mất tích. Trước đây và hiện nay cháu Quỳnh N do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu Lê Quỳnh N có nguyện vọng xin được ở với chị T.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lê Quỳnh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn S được ly hôn..

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh N, sinh ngày 10/11/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0001021 ngày 28/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND. H T;
- Chi cục THADS T;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

